TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST-HNGĐ	*Huyện K, ngày 23 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 thống nhất có 02 con chung; giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Minh V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; nên chưa xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ: Chị T, anh T1 đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên chưa xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T nhận chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Phạm Minh V, sinh ngày 24 tháng 11năm 2014 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T nhận chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012118 ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Hoàng